

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA – LONG AN.**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Thanh Thừa

2. Ông Lý Quốc Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tuấn Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1981, địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tô R, sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Tô R chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung:

1/ Nguyễn Thị Mộng X, sinh ngày 20/02/2002 (giới tính: Nữ) đã khôn lớn có chồng ở riêng.

2/ Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/2006 (giới tính: Nam).

3/ Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/07/2009 (giới tính: Nam).

Con chung cháu H và cháu Đ hiện đang sống với ông Tô R, khi ly hôn bà Bé H yêu cầu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Tô R trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Tô R thống nhất với lời trình bày của bà Bé H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Ông Tô R xác định ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà Bé H nên ông Tô R không đồng ý ly hôn. Quan hệ hôn nhân của ông bà tùy theo sự quyết định của Hội đồng xét xử.

Về con chung: có 03 con chung như lời bà H trình bày. Trường hợp tòa án cho ly hôn thì con theo ai thì người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Tô R không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Tô R là tranh chấp về ly hôn, do ông R cư trú huyện Mộc Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Tô R có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2001 ngày 29/10/2001). Do đó, hôn nhân của bà H với ông R là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên bà H với ông R phát sinh mâu thuẫn không thể nào giải quyết được. Bà H xác định tình cảm vợ chồng của bà H với ông R là không còn và hiện nay ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông R vì mục đích hôn nhân không đạt được và bà xác định không muốn đoàn tụ với ông R.

Trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bé H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H với ông R

đã phát sinh thời gian dài, lặp đi, lặp lại. Các bên cũng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả. Đồng thời, bà H xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với ông R, không muốn sống chung với ông R cho thấy mâu thuẫn giữa bà H với ông R đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông R là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Thị Bé H với ông Nguyễn Văn Tô R có 03 con chung tên:

1. Nguyễn Thị Mộng X, sinh ngày 20/02/2002 (giới tính: Nữ) đã trưởng thành.
2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/2006 (giới tính: Nam).
3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/07/2009 (giới tính: Nam).

Quá trình giải quyết, bà Bé H và ông Tô R đều yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại các bản tự khai, cháu Hòa có nguyện vọng được sống chung với cha nên giao cho ông Tô R nuôi dưỡng là phù hợp, cháu Đông có nguyện vọng sống chung với mẹ nên giao cho bà Bé H nuôi dưỡng là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bé H và ông Tô R xác định không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Bé H đối với ông Nguyễn Văn Tô R.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tô R.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/2006 (giới tính: Nam) cho ông Nguyễn Văn Tô R nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/07/2009 (giới tính: Nam) cho bà Nguyễn Thị Bé H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Tô R xác định ông bà không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Tô R xác định ông bà không có nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010331 ngày 18/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An chuyển sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Khởi**